TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2018/HS-ST
Ngày: 13/4/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lý Thị Thúy**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Dương Văn Tập**

Ông **Đinh Văn Tuyên**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Đàm Thị Bưởi** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông **Trần Thanh Quang** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03 /2018/HSST ngày 17 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-HS ngày 28/02/2018 đối với các bị cáo:

1. **Nông Văn T**. Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 16/11/1985, tại Bắc Kạn.

Nơi cư trú: thôn K, xã K, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ văn hóa: Lớp 12/12. Dân tộc: Tày; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nông Văn V và bà Lý Thị P; có vợ là Hoàng Thị H và có 01 con; tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18 tháng 6 năm 2017 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. **Triệu Đức C** .Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 21/5/1975. Tại Bắc Kạn;

Nơi cư trú: Khu 2, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12. Dân tộc: Nùng. giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Đức C1 (đã chết) và bà Hà Thị T; vợ, con: Chưa có; ; tiền sự: Không; tiền án: có 03 tiền án:

- Năm 1998 bị TAND tối cao xử phạt 07 năm tù về tội " Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

- Năm 2007 bị TAND huyện N xử phạt 18 tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản".

- Năm 2008 bị TAND huyện B xử phạt 08 năm tù về tội " Mua bán trái phép chất ma túy". Tổng hợp bản án số 07 ngày 28/9/2007 của TAND huyện N buộc bị cáo phải chịu hình phạt chung cho cả hai bản án là 09 năm 06 tháng tù.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 23 tháng 6 năm 2017 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Hoàng Văn C, sinh năm 1960. Nơi cư trú: Phố C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Anh Vũ Viết H, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Khu 2, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

1. Triệu Văn T, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

2. Trần Văn B, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Phố N, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

3. Trương Hữu Đ, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Phố N1, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

4. Lê Văn M, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Phố N1, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15 giờ 40 phút, ngày 17/6/2017, tổ công tác Công an huyện B nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc có 03 đối tượng nam giới đang điều khiển xe mô tô mang BKS 97F3- 3601 đi trên đường Quốc lộ 3 theo hướng Cao Bằng – Bắc Kạn thuộc thôn Đ, xã P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn có biểu hiện nghi vấn tàng trữ trái phép chất ma túy. Sau khi nhận được tin báo trên, Công an huyện B đã cử tổ công tác phối hợp với Công an xã P và Công an thị trấn P tiến hành xác minh nguồn tin trên. Kết quả: Hồi 16 giờ ngày 17/6/2017, tại khu vực ngã ba thị trấn P, tổ công tác phát hiện 03 đối tượng nam giới như nguồn tin đang điều khiển 01 xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI VIVA BKS 97F3- 3601 đi trên đường Quốc lộ 3 theo hướng Cao Bằng –

Bắc Kạn, tổ công tác đã yêu cầu các đối tượng trên xuất trình giấy tờ để kiểm tra và xác định:

- Người điều khiển xe tên là: Trương Hữu Đ, sinh năm 1980, đăng ký HKTT và chỗ ở: phố N1, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

- Người ngồi thứ hai tên là: Lê Văn M, sinh năm 1980, đăng ký HKTT và chỗ ở: phố N1, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

- Người ngồi thứ ba tên là: Nông Văn T, sinh năm 1985, đăng ký HKTT và chỗ ở: thôn K, xã P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Tổng công tác đã tiến hành kiểm tra người các đối tượng phát hiện tạm giữ gồm: Đối với Trương Hữu Đ và Lê Văn M: Không phát hiện tạm giữ đồ vật, tài liệu, tài sản gì. Đối với Nông Văn T: Phát hiện tại túi quần phía trước bên trái Thiện đang mặc có 01 gói nhỏ được gói bên ngoài bằng giấy một mặt màu trắng, một mặt có nhiều chữ viết bên trong có chứa chất bột màu trắng dạng bột nghi vấn là ma túy. Kết quả thử phản ứng phát hiện nhanh chất ma túy trùng với đặc trưng phản ứng của chất ma túy (Heroin). Sau khi kiểm tra thử phản ứng, gói nhỏ có chứa chất bột màu trắng trên được gói lại như lúc phát hiện và niêm phong trong phong bì ký hiệu " T". Tại túi quần trước bên trái T đang mặc có 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu trắng có viền đen, đã qua sử dụng.

Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã ra lệnh khám xét khẩn cấp đối với nơi ở, các công trình phụ cận đối với Nông Văn T tại: thôn K, xã P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Kết quả khám xét: không phát hiện tạm giữ đồ vật, tài liệu, tài sản gì.

Nông Văn T thừa nhận 01 gói nhỏ có chứa chất bột màu trắng trên là ma túy (Heroin) của T, số ma túy trên T mua của Triệu Đức C, sinh năm 1975, trú tại: Khu 2, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn vào khoảng 12 giờ ngày 17/6/2017 tại khu vực Đèo G với giá 200.000 đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

Ngày 18/6/2017, Cơ quan CSĐT Công an huyện B phối hợp với Công an xã V, huyện N tiến hành triệu tập Triệu Đức C để thực hiện việc khám xét khẩn cấp về hành vi bán trái phép chất ma túy cho Nông Văn T. Khi tổ công tác đi đến khu vực khe C, xã V thì phát hiện Triệu Đức C đang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu đen BKS 97B1-304.10 đi trên đường Quốc lộ 3 theo hướng Cao Bằng – Hà Nội, tổ công tác đã yêu cầu dừng xe thì C không chấp hành và bỏ chạy, C đã ném từ tay trái xuống vũng nước cạnh lề đường Quốc lộ 3, 03 (*ba*) gói nhỏ được gói bằng giấy một mặt trắng, một mặt có chữ viết bên trong có chứa chất bột màu trắng dạng bột. Kết quả thử phản ứng phát hiện nhanh chất ma túy trùng với đặc trưng phản ứng của chất ma túy (Heroin). Sau khi kiểm tra, 03 gói nhỏ trên được gói lại như lúc phát hiện và niêm phong trong phong bì ký hiệu "C". Kiểm tra trên người Triệu Đức C, phát hiện tạm giữ:

+ Tại túi áo mưa đằng trước bên phải C đang mặc có số tiền 100.000đ *(Một trăm nghìn đồng)* niêm phong trong phong bì ký hiệu "T-C".

+ 01 ví giả da màu nâu, bên trong có số tiền: 6.737.000đ *(Sáu triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn đồng)*. Được niêm phong trong phong bì ký hiệu "T-C1".

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu đồng, màn hình cảm ứng.

+ Tạm giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu đen, BKS 97B1-304.10.

Cùng ngày, Cơ quan CSĐT Công an huyện B thực hiện lệnh khám xét khẩn cấp nhà ở và các công trình phụ cận của Triệu Đức C tại: Khu 2, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Kết quả khám xét phát hiện tạm giữ:

+ Tại ngăn trên cùng chiếc tủ ti vi trong nhà C 01 túi nilon trong suốt bên trong có 02 gói nhỏ được gói bên ngoài bằng giấy màu trắng có dòng kẻ ô li bên trong có chứa chất bột màu trắng dạng bột. Tiến hành thử phản ứng phát hiện nhanh chất ma túy. Kết quả trùng với đặc trưng của chất ma túy (Heroin). Sau khi kiểm tra 02 gói nhỏ trên được gói lại như lúc phát hiện và niêm phong trong phong bì ký hiệu "C1".

+ Tại trên giường ngủ nhà C 01 tờ lịch vạn niên có hai cạnh bị cắt.

+ Trên ghế ngồi trong nhà C 01 quyển sổ tay có dòng kẻ ô li bị cắt nham nhở và xé nhiều tờ.

+ Trên bàn uống nước trong phòng khách nhà C 01 điện thoại di động nhãn hiệu PHILIPS màu đen đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng máy.

Bị cáo Nông Văn T sử dụng và mắc nghiện chất ma túy từ năm 2012, T mua ma túy sử dụng và bán cho người khác. Cụ thể T bán cho những người sau:

+ Lần 1: Bán cho Trần Văn B, sinh năm 1984, trú tại: phố N, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn và Triệu Văn T1, sinh năm 1986, trú tại: Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn 01 lần vào khoảng 09 giờ ngày 15/6/2017, Trần Văn B gọi điện thoại cho Nông Văn T hỏi mua ma túy với số tiền 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)*, T đồng ý bán và hẹn B lên khu vực đường liên thôn K, xã P. Sau đó, Trần Văn B rủ Triệu Văn T1 cùng đi lên điểm hẹn, cả hai đợi một lúc thì T đi ra, T1 và đưa cho T số tiền 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*), T cầm tiền và đưa lại cho T1 02 gói ma túy. Quá trình T bán ma túy cho T1 thì có B đứng đó chứng kiến.

+ Lần 2: Bán cho Triệu Văn T1, sinh năm 1986, trú tại: Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn 01 lần vào khoảng 11 giờ ngày 15/6/2017, tại khu vực đường liên thôn K, xã P (đối diện cổng trường THCS P), T bán cho T1 02 gói ma túy với giá 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

+ Lần 3: Bán cho Lê Văn M, sinh năm 1980 và Trương Hữu Đ, sinh năm 1980, cùng trú tại: phố N1, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn 01 lần vào khoảng 20 giờ ngày 16/6/2017, Đ lên nhà M chơi, tại đây M và Đ bàn bạc nhau góp tiền để đi mua ma túy về sử dụng. Đ nói với M chưa có tiền và nói M có tiền thì cho Đ vay để góp trước, Đ sẽ trả M sau, M đồng ý. Đến khoảng 09 giờ ngày 17/6/2017, M gọi điện thoại cho T hỏi mua ma túy với số tiền 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*), M đưa tiền cho T, T cầm

tiền và nói khi nào có ma túy sẽ gọi cho M lên lấy. Sau đó T đi xe ô tô khách lên khu vực khe C trên Đèo G thuộc xã V, huyện N hỏi và mua được của Triệu Đức C 01 gói ma túy với số tiền 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*). Sau khi mua được ma túy, đến khoảng 14 giờ cùng ngày, T đi xe khách về đến khu vực Đèo G1 thì xuống xe, tại đây T chia gói ma túy vừa mua được thành 02 gói nhỏ, sau đó T gọi điện thoại cho Lê Văn M lên gặp để bán ma túy. M rủ thêm Đ cùng nhau đi lên gặp T. Trên đường đi, M nói đã góp trước cho Đsố tiền 100.000đ (*Một trăm nghìn đồng*) để mua ma túy của T, Đ đồng ý và nói sẽ trả M sau. Khi gặp nhau tại khu vực Đèo G1, T lấy 01 gói ma túy từ trong người ra pha vào 02 xi lanh mà M đã chuẩn bị sẵn và bán cho M với số tiền 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng)* mà M đưa lúc sáng. M cầm lấy và đưa cho Đ 01 xi lanh đã pha sẵn ma túy, cả hai cùng nhau sử dụng hết số ma túy luôn tại đó. Sau khi sử dụng xong, cả ba cùng nhau đi về, đến khu vực ngã ba thị trấn P, huyện B thì bị tổ công tác Công an huyện B kiểm tra phát hiện Nông Văn T đang tàng trữ trái phép 01 gói ma túy.

Bị cáo Triệu Đức C biết sử dụng chất ma túy từ năm 1987 và nghiện chất ma túy từ năm 1997, C mua ma túy để sử dụng và bán để kiếm lời. C đã bán trái phép chất ma túy cho Nông Văn T 03(ba) lần, cụ thể:

+ Lần 1: Khoảng 12 giờ ngày 10/6/2017, C bán cho T 01 gói ma túy trị giá 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

+ Lần 2: Khoảng 12 giờ ngày 16/6/2017, C bán cho T 01 gói ma túy với số tiền 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

+ Lần 3: Khoảng 12 giờ ngày 17/6/2017, C bán cho T 01 gói ma túy với số tiền 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*),

Cả 03 lần trên đều ở khu vực bãi rác thuộc khe C, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Đến khoảng 17 giờ ngày 17/6/2017, C mua với người đàn ông lạ mặt khoảng 30 tuổi ở khu vực bãi vàng M thuộc huyện N được 01 gói ma túy trị giá 1.000.000đ (*Một triệu đồng*), múc đích C mua về để sử dụng và bán nhưng chưa kịp sử dụng và bán thì bị Cơ quan CSĐT Công an huyện B kiểm tra phát hiện, tạm giữ toàn bộ tang vật.

Tại biên bản mở niêm phong cân xác định trọng lượng chất ma túy ngày 19/6/2017 của Cơ quan CSĐT Công an huyện B ghi rõ:

- Bên trong phong bì ký hiệu "T" có khối lượng (trọng lượng) là: 0,039g (không phẩy không ba chín gam). Niêm phong toàn bộ số chất bột màu trắng trên trong phong bì ký hiệu "T1" để gửi cơ quan giám định, giấy gói và phong bì niêm phong ban đầu "T" được niêm phong trong phong bì ký hiệu "T2".

- Bên trong phong bì ký hiệu "C" có khối lượng (trọng lượng) là: 0,284 g (không phẩy hai tám bốn gam). Niêm phong toàn bộ số chất bột màu trắng trên trong

phong bì ký hiệu "C2" để gửi cơ quan giám định, giấy gói, túi nilon trong suốt và phong bì niêm phong ban đầu "C" được niêm phong trong phong bì ký hiệu "C3".

- Bên trong phong bì ký hiệu "C1" có khối lượng (trọng lượng) là: 0,140 g (không phẩy một bốn không gam). Niêm phong toàn bộ số chất bột màu trắng trên trong phong bì ký hiệu "C4" để gửi cơ quan giám định, giấy gói và phong bì niêm phong ban đầu "C1" được niêm phong trong phong bì ký hiệu "C5".

- Tại bản Kết luận giám định số: 88/KTHS- MT ngày 30/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận: Mẫu chất bột màu trắng có trong phong bì có ký hiệu "T1" gửi đến giám định có khối lượng (trọng lượng) là: 0,039g (Không phẩy không ba chín gam) là chất ma túy, loại Heroin.

- Tại bản Kết luận giám định số: 90/KTHS- MT ngày 30/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận:

+ Mẫu chất bột màu trắng có trong phong bì ký hiệu "C2" gửi đến giám định có khối lượng (trọng lượng) là: 0,284g (Không phẩy hai tám bốn gam) là chất ma túy, loại Heroin.

+ Mẫu chất bột màu trắng có trong phong bì ký hiệu "C4" gửi đến giám định có khối lượng (trọng lượng) là: 0,140g (Không phẩy một bốn không gam) là chất ma túy, loại Heroin.

Tại Bản cáo trạng số 03/KSĐT-MT ngày 15/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Nông Văn T, về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194/ BLHS; Bị cáo Triệu Đức C về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" quy định tại điểm b, p khoản 2 Điều 194/ BLHS;

**** Điều luật có nội dung:***

"1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp dưới đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

a) ....

b) Phạm tội nhiều lần;

c) ....

p) Tái phạm nguy hiểm"

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ nguyên nội dung truy tố đối với các bị cáo và đề nghị:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194, điểm o, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 47/BLHS: Xử phạt bị cáo Nông Văn T từ 05- 06 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/6/2017.

Áp dụng điểm b, p khoản 2 Điều 194, điểm p khoản 1, 2 Điều 46/BLHS: Xử phạt bị cáo Triệu Đức C từ 08 - 09 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/6/2017 .

Về hình phạt bổ sung: áp dụng khoản 5 Điều 194 BLHS. Phạt mỗi bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41/BLHS; Điều 106/BLTTHS 2015.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ Mẫu chất bột trong phong bì ký hiệu "T1" sau khi giám định còn lại là: 0,010g (Không phẩy không một không gam) cùng phong bì và giấy gói được niêm phong trong phong bì mới ký hiệu T88 có dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn hoàn trả lại cho Cơ quan CSĐT Công an huyện B.

+ Mẫu chất bột trong phong bì ký hiệu "C2" sau khi giám định còn lại là: 0,215g (Không phẩy hai một năm gam); Mẫu chất bột trong phong bì ký hiệu "C4" sau khi giám định còn lại là: 0,116g (Không phẩy một một sáu gam), 02 mẫu hoàn trả cùng phong bì và giấy gói được niêm phong trong phong bì mới ký hiệu T90 có dấu của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Kạn hoàn trả lại cho Cơ quan CSĐT Công an huyện B.

+ Giấy gói và phong bì niêm phong ban đầu được niêm phong trong phong bì ký hiệu "T2"; "C3"; "C5".

+ 01 tờ lịch vạn niên có hai cạnh bị cắt tạm giữ của C.

+ 01 quyển sổ tay có dòng kẻ ôli bị cắt nham nhở và xé nhiều tờ tạm giữ của C.

+ 01 ví giả da màu nâu của bị cáo Triệu Đức C

- Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu trắng viền đen đã qua sử dụng phát hiện tạm giữ của Nông Văn T.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu đồng màn hình cảm ứng đã qua sử dụng phát hiện tạm giữ của Triệu Đức C.

- Tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu PHILIPS màu đen, màn hình cảm ứng đã qua sử dụng của Triệu Đức C để bảo đảm thi hành án cho bị cáo.

-Tạm giữ số tiền 6.837.000đ (*Sáu triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn đồng*) của Triệu Đức C để bảo đảm thi hành án cho bị cáo.

-Tạm giữ số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) của Nông Văn T do chị Hoàng Thị H (vợ của bị cáo T) nộp thay tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B theo biên lai thu tiền số 08632 ngày 07/3/2018 để bảo đảm thi hành án cho bị cáo T.

- Xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA màu đen, biển kiểm soát: 97B-304.10 tạm giữ của C trong ngày 18/6/2017. Qúa trình điều tra xác định chiếc xe mô tô trên là của anh Vũ Viết H, sinh năm 1980, trú tại: Khu 2, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn là em rể

của C, anh H mua chiếc xe trên vào năm 2015 với anh Hà Văn L, sinh năm 1977, trú tại: Khu C, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn với giá 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*). Đăng ký xe mang tên Hà Văn L, ngày 18/6/2017, anh H cho C mượn chiếc xe mô tô trên. Việc C sử dụng chiếc xe trên để đi mua, bán ma túy trái phép anh H không biết. Quá trình giải quyết vụ án Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã trả lại chiếc xe trên cho anh Vũ Viết H là chủ sở hữu hợp pháp.

- Xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI VIVA màu đen, BKS: 97F3-3601 tạm giữ của Đ. Qúa trình điều tra xác định chiếc xe mô tô trên là của ông Hoàng Văn C, sinh năm 1960, trú tại: phố C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn là chú rể của Đ, ông C mua chiếc xe trên vào năm 2004 với bà Phan Thị C, sinh năm 1960, trú tại: tổ 5, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bắc Kạn với giá 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*). Đăng ký xe mang tên Phan Thị C, ngày 17/6/2017, ông C cho Đ mượn chiếc xe trên. Việc Đ sử dụng chiếc xe trên để đi mua ma túy ông C không biết. Quá trình giải quyết vụ án Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã trả lại chiếc xe trên cho ông Hoàng Văn C là chủ sở hữu hợp.

- Truy thu số tiền 600.000đ (*Sáu trăm nghìn đồng*) là tiền Triệu Đức C bán ma túy cho Nông Văn T mà có.

-Truy thu số tiền 600.000đ (*Bốn trăm nghìn đồng*) là tiền mà Nông Văn T bán ma túy mà có.

- Điện thoại di động của Lê Văn M; Trương Hữu Đ; Trần Văn B; Triệu Văn T1 đều sử dụng để liên lạc mua ma túy với Nông Văn T. Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện B không thu giữ được.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi vi phạm như cáo trạng đã nêu, không có khiếu nại về hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và nói lời sau cùng xin được giảm nhẹ hình phạt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa xác định: Do nghiện chất ma túy nên các bị cáo Nông Văn T và Triệu Đức C đã mua ma túy về sử dụng cho bản thân và bán lại cho nhiều người khác để kiếm lời, cụ thể:

Đối với bị cáo Nông Văn T được bán ma túy trái phép cho nhiều người nhiều lần:

+ Lần 1: Khoảng 09 giờ ngày 15/6/2017 tại khu vực đường liên thôn K, xã P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn bán cho Trần Văn B, sinh năm 1984, trú tại: phố N, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn và Triệu Văn T, sinh năm 1986, trú tại: Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn 02 (Hai) gói ma túy với giá 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

+ Lần 2: Khoảng 11 giờ ngày 15/6/2017 tại khu vực đường liên thôn K, xã P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn bán cho Triệu Văn T1, sinh năm 1986, trú tại: Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn 02 (Hai) gói ma túy với giá 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

+ Lần 3: Khoảng 14 giờ ngày 17/6/2017 tại khu vực Đèo G1, thuộc xã P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn bán cho Lê Văn M, sinh năm 1980 và Trương Hữu Đ, sinh năm 1980, cùng trú tại: phố N, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn 01 (Một) gói ma túy với giá 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng).*

Về nguồn gốc số ma túy bán cho Triệu Văn T1, Trần Văn B bị cáo mua khoảng 07 giờ ngày 15/6/2017 với một người đàn ông ở khu vực dốc tiệm thuộc phường P, thành phố B, T không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể người đó ở đâu với số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* được 01 gói ma túy (heroin). Số ma túy bán cho Trương Hữu Đ, Lê Văn M là bị cáo mua của bị cáo Triệu Đức C vào khoảng 12 giờ ngày 17/6/2017. Ngoài ra, T còn mua ma túy với Triệu Đức C 02 lần nữa. Tổng số tiền bị cáo bán ma túy là 600.000 đồng.

Đối với bị cáo Triệu Đức C được bán trái phép ma túy nhiều lần cho Nông Văn T:

+ Lần 1: Khoảng 12 giờ ngày 10/6/2017, C bán cho T 01 gói ma túy trị giá 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

+ Lần 2: Khoảng 12 giờ ngày 16/6/2017, C bán cho T 01 gói ma túy với số tiền 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

+ Lần 3: Khoảng 12 giờ ngày 17/6/2017, C bán cho T 01 gói ma túy với số tiền 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*),

Cả 03 lần trên đều ở khu vực bãi rác thuộc khe C, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Về nguồn gốc số ma túy: C mua khu vực bãi vàng M thuộc huyện NN với những người lạ mặt, C không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của những người đó ở đâu. Số tiền bị cáo bán ma túy cho bị cáo T là 600.000 đồng, bị cáo đã tiêu dùng cá nhân hết. Ngoài T ra bị cáo không bán ma túy cho ai khác.

Tại Bản án số 1642 ngày 10.7.1998 của Tòa phúc thẩm, TAND tối cao xử phạt Triệu Đức c 07 năm tù về tội " Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Tại bản án số 07/2007/HSST ngày 28/9/2007 của TAND huyện N xử phạt Triệu Đức C 18 tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản". Tại bản án số 23/2008/HSST ngày 03/9/2008 của TAND huyện B, tỉnh Bắc Kạn áp dụng điểm b, p khoản 2 Điều 194/BLHS xử phạt Triệu Đức C 08 năm tù về tội " Mua bán trái phép chất ma túy". Tổng hợp bản án số 07 ngày 28/9/2007 của TAND huyện N buộc bị cáo phải chịu hình phạt chung cho cả hai bản án là 09 năm 06 tháng tù. Ngày 02/02/2015 bị cáo Cường chấp hành xong hình phạt tù, tính đến ngày 10/6/2017 bị cáo chưa được xóa án tích.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội . Xét thấy lời khai nhận của các bị cáo thống nhất với nhau, phù hợp với lời khai của những người làm chứng và với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, việc truy tố, xét xử bị cáo Nông Văn T về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b, khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự, bị cáo Triệu Đức C về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b, p khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất hành vi do các bị cáo thực hiện là nguy hiểm, xâm phạm quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương vì vậy cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3]. *Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:*

- Bị cáo Nông Văn T: Năm 2012 bị Công an huyện B, tỉnh Bắc Kạn xử phạt hành chính về hành vi cố ý gây thương tích. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự . Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46/BLHS. Bị cáo tự thú việc mua ma túy với bị cáo Triệu Đức C và bán trái phép ma túy cho Triệu Văn T1 và Trần Văn B nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là "Người phạm tội tự thú" được quy định tại điểm o, khoản 1 Điều 46/BLHS. Bị cáo tự nguyện nộp số tiền 2.000.000 đồng để bảo đảm thi hành án nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 46/BLHS.

Bị cáo Nông Văn T có ba tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 46/BLHS nên HĐXX áp dụng Điều 47/BLHS để quyết định hình phạt đối với bị cáo.

- Bị cáo Triệu Đức C có nhân thân xấu. Năm 1998 bị Tòa phúc thẩm TAND Tối cao xử phạt 07 năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"; năm 2007 TAND huyện N, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 18 tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản"; năm 2008 của TAND huyện B, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 08 năm tù về tội " Mua bán trái phép chất ma túy". Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là "Người phạm tội thành khẩn

khai báo" theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46/BLHS. Bị cáo có bố đẻ là ông Triệu Đức C1 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 46/BLHS

Trong vụ án này các bị cáo thực hiện hành vi độc lập nên không phải là đồng phạm.

[4]. Trong vụ án này bị cáo Nông Văn T khai mua ma túy vào ngày 15/6/2017 tại khu vực D, thuộc phường P, thành phố B nhưng T không biết tên, tuổi, địa chỉ nên không có căn cứ để xử lý. Bị cáo Triệu Đức C khai mua ma túy ngày 17/6/2017 tại khu vực bãi vàng M thuộc xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn với người đàn ông khoảng 30 tuổi nhưng không biết tên, tuổi, địa chỉ nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với Trần Văn B, Triệu Văn T1, Lê Văn M, Trương Hữu Đ là những người mua ma túy với Nông Văn T, hành vi của những người này là vi phạm pháp luật nhưng chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã chuyển hồ sơ để quản lý theo quy định.

[5]. *Về hình phạt bổ sung:* Xét thấy cần áp dụng khoản 5 Điều 194 BLHS phạt tiền các bị cáo để sung quỹ Nhà nước.

[6]. *Về vật chứng:*Áp dụng Điều 41/BLHS; Điều 106/BLTTHS 2015.

- Tịch thu tiêu hủy các vật chứng không có giá trị sử dụng:

+ Mẫu chất bột trong phong bì ký hiệu "T1" sau khi giám định còn lại là: 0,010g (*Không phẩy không một không gam*) cùng phong bì và giấy gói được niêm phong trong phong bì mới ký hiệu T88 có dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn hoàn trả lại cho Cơ quan CSĐT Công an huyện B.

+ Mẫu chất bột trong phong bì ký hiệu "C2" sau khi giám định còn lại là: 0,215g (*Không phẩy hai một năm gam*); Mẫu chất bột trong phong bì ký hiệu "C4" sau khi giám định còn lại là: 0,116g (*Không phẩy một một sáu gam*), 02 mẫu hoàn trả cùng phong bì và giấy gói được niêm phong trong phong bì mới ký hiệu T90 có dấu của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Kạn hoàn trả lại cho Cơ quan CSĐT Công an huyện B.

+ Giấy gói và phong bì niêm phong ban đầu được niêm phong trong phong bì ký hiệu "T2"; "C3"; "C5".

+ 01 tờ lịch vạn niên có hai cạnh bị cắt tạm giữ của C.

+ 01 quyển sổ tay có dòng kẻ ôli bị cắt nham nhở và xé nhiều tờ tạm giữ của C.

- 01 ví giả da màu nâu của bị cáo Triệu Đức C, đã cũ, bị cáo C không xin lại, xét thấy không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy .

- Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu trắng viền đen đã qua sử dụng phát hiện tạm giữ của Nông Văn T. 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu đồng màn hình cảm ứng đã qua sử dụng phát hiện

tạm giữ của Triệu Đức C. Các bị cáo dùng điện thoại này làm phương tiện trao đổi để mua bán trái phép chất ma túy.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu PHILIPS màu đen, màn hình cảm ứng đã qua sử dụng của Triệu Đức C không sử dụng để phạm tội, xét thấy không cần thiết tạm giữ nên trả lại cho bị cáo C.

-Tạm giữ số tiền 6.837.000đ (*Sáu triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn đồng*) của Triệu Đức C để bảo đảm thi hành án cho bị cáo C.

-Tạm giữ số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) của Nông Văn T do chị Hoàng Thị H (vợ của bị cáo T) nộp thay tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B theo biên lai thu tiền số 08632 ngày 07/3/2018 để bảo đảm thi hành án cho bị cáo T.

- Xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA màu đen, biển kiểm soát: 97B-304.10 tạm giữ của C trong ngày 18/6/2017. Qúa trình điều tra xác định chiếc xe mô tô trên là của anh Vũ Viết H, sinh năm 1980, trú tại: Khu 2, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn là em rể của C. Ngày 18/6/2017, anh H cho C mượn chiếc xe mô tô trên. Việc C sử dụng chiếc xe trên để đi mua, bán ma túy trái phép anh H không biết. Quá trình giải quyết vụ án Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã trả lại chiếc xe trên cho anh Vũ Viết H là chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp quy định của pháp luật. Anh H không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét giải quyết.

- Xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI VIVA màu đen, BKS: 97F3-3601 tạm giữ của Đ. Qúa trình điều tra xác định chiếc xe mô tô trên là của ông Hoàng Văn C, sinh năm 1960, trú tại: Phố C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn là chú rể của Đ. Ngày 17/6/2017, ông C cho Đ mượn chiếc xe trên. Việc Đ sử dụng chiếc xe trên để đi mua ma túy ông C không biết. Quá trình giải quyết vụ án Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã trả lại chiếc xe trên cho ông Hoàng Văn C là chủ sở hữu hợp là phù hợp quy định của pháp luật. Ông C không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét giải quyết.

- Truy thu số tiền 600.000đ (*Sáu trăm nghìn đồng*) là tiền mà Nông Văn T bán ma túy mà có để sung quỹ Nhà nước.

- Truy thu số tiền 600.000đ (*Sáu trăm nghìn đồng*) là tiền Triệu Đức C bán ma túy cho Nông Văn T mà có để sung quỹ Nhà nước.

- Điện thoại di động của Lê Văn M; Trương Hữu Đ; Trần Văn B; Triệu Văn T1 đều sử dụng để liên lạc mua ma túy với Nông Văn T. Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện Bạch Thông không thu giữ được nên không xem xét xử lý.

Việc thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 357/BLDS.

[7]. *Về án phí:* Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội, các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

**** Tuyên bố:*** Các bị cáo Nông Văn T, Triệu Đức C đều phạm tội *"Mua bán trái phép chất ma túy".*

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194, điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47/BLHS.

Xử phạt bị cáo Nông Văn T 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18.6.2017

- Áp dụng điểm b, p khoản 2 Điều 194, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46/BLHS.

Xử phạt bị cáo Triệu Đức C 08 (Tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23.6.2017.

**Về hình phạt bổ sung:* Áp dụng khoản 5 Điều 194/BLHS.

Phạt mỗi bị cáo 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

** Về vật chứng:* Áp dụng Điều 41/BLHS; Điều 106/BLTTHS 2015.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ Mẫu chất bột trong phong bì ký hiệu "T1" sau khi giám định còn lại là: 0,010g (*Không phẩy không một không gam*) cùng phong bì và giấy gói được niêm phong trong phong bì mới ký hiệu T88 có dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn hoàn trả lại cho Cơ quan CSĐT Công an huyện B.

+ Mẫu chất bột trong phong bì ký hiệu "C2" sau khi giám định còn lại là: 0,215g (*Không phẩy hai một năm gam*); Mẫu chất bột trong phong bì ký hiệu "C4" sau khi giám định còn lại là: 0,116g (*Không phẩy một một sáu gam*), 02 mẫu hoàn trả cùng phong bì và giấy gói được niêm phong trong phong bì mới ký hiệu T90 có dấu của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Kạn hoàn trả lại cho Cơ quan CSĐT Công an huyện B.

+ Giấy gói và phong bì niêm phong ban đầu được niêm phong trong phong bì ký hiệu "T2"; "C3"; "C5".

+ 01 tờ lịch vạn niên có hai cạnh bị cắt tạm giữ của C.

+ 01 quyển sổ tay có dòng kẻ ôli bị cắt nham nhở và xé nhiều tờ tạm giữ của C.

+ 01 ví giả da màu nâu của bị cáo Triệu Đức C.

- Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu trắng viền đen đã qua sử dụng của bị cáo Nông Văn T.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu đồng màn hình cảm ứng đã qua sử dụng của bị cáo Triệu Đức C.

-Trả lại cho bị cáo Triệu Đức C 01 điện thoại di động nhãn hiệu PHILIPS màu đen, màn hình cảm ứng đã qua sử dụng.

-Tạm giữ số tiền 6.837.000đ (*Sáu triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn đồng*) của Triệu Đức C để bảo đảm thi hành án cho bị cáo, số thừa trả lại cho bị cáo C.

-Tạm giữ số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) của Nông Văn T do chị Hoàng Thị H (vợ của bị cáo T nộp thay tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B) theo biên lai thu tiền số 08632 ngày 07/3/2018 để bảo đảm thi hành án cho bị cáo T.

- Truy thu số tiền 600.000đ (*Sáu trăm nghìn đồng*) là tiền mà Nông Văn T bán ma túy mà có.

- Truy thu số tiền 600.000đ (*Sáu trăm nghìn đồng*) là tiền Triệu Đức C bán ma túy cho Nông Văn T mà có.

Việc thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 357/BLDS.

Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao nhận giữa Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

* *Về án phí*: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND B 1;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn 1;
- CA huyện B 2;
- Bị cáo 2;
-NCQLNVLQ 2
- TA tỉnh 1;
- Sở tư pháp 1;
- THADS 1;
- Lưu Hồ sơ vụ án 1;
- Lưu 1;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lý Thị Thúy